TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 11-5-2018

V/v Tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hải Duy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hài

2. Ông Mã Thanh Trung

- Thư ký phiên tòa: **Ông Lương Thế Vinh**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn H – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1968.

Địa chỉ HKTT: ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ HKTT: ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 22/3/2018 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Do mai mối nên bà Q và ông Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 1987. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Q đã một lần nộp đơn kiện xin ly hôn với ông H và đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết theo bản án số 56/2013/HNST ngày 03/5/2013. Sau đó, bà Q và ông H hàn gắn sống chung và đăng ký kết hôn lần 02 tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 11/9/2014. Tuy nhiên, quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông H nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm bà Q dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc

Về con chung: có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992, hiện các con chung đã trưởng thành và có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Q yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành và có nghề nghiệp ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 04/4/2018 bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Q vì còn thương vợ con.

Nếu Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn thì ông H không có yêu cầu gì vì các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Q là có căn cứ để chấp nhận. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Do không có ai yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơn vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, giữa nguyên đơn và bị đơn đã ly hôn 01 lần theo bản án số 56/2013/HNST ngày 03/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nhưng sau đó, nguyên đơn cùng bị đơn đã hàn gắn sống

chung và đăng ký kết hôn lần 02 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69/2014, quyển 01/2014 ngày 11/9/2014. Đến nay nguyên đơn có ý kiến cương quyết đòi ly hôn lần nữa và bị đơn cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nuôi con chung: theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1989 và Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1992, hiện các con chung đã trưởng thành và có nghề nghiệp ổn định. Tại phiên Tòa, nguyên đơn và bị đơn cũng không có ý kiến tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các con chung đã trưởng thành và không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên Tòa, nguyên đơn và bị đơn khai vợ chồng tạo lập được một số tài sản chung và có mượn nợ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và phiên xét xử hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu phân chia hay tranh chấp gì và đều có ý kiến để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, phân chia tài sản chung, nợ chung. Nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vấn đề phân chia tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này. Nếu nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu án phí HNST theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa cbà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H.

[2] Về nuôi con chung và về cấp dương nuôi con: Do 03 con chung đã trưởng thành và không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí HNST: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Q đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08378 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát cùng cấp;*
- *Chi cục THA dân sự cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)